TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ M
TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc.

Bản án số:82/2018/HNGĐ-ST.
Ngày:11-6-2018.
V/v tranh chấp "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ M

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Huỳnh Trường**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Lê Văn Kiệt**.
2. Bà **Nguyễn Thị Hơn.**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Cao Thị Trúc Linh**– Thư ký Tòa án nhân dân thành phố M, Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố M, tỉnh Tiền Giang tham dự phiên tòa: ông **Tống Việt Nhân** – Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 06 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố M, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm vụ án thụ lý số 102/2018/TLST-HN ngày 27 tháng 02 năm 2018 về tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 66/2018/QĐST-HN ngày 03 tháng 5 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị **Nguyễn Thị Kim N** sinh năm 1986, có mặt

Địa chỉ: số 170/11 đường Lý Thường Kiệt, tổ 6, Khu phố 10, Phường 6, Thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

- *Bị đơn*: Anh **Nguyễn Thiện H** sinh năm 1982, vắng mặt không có lý do.

Địa chỉ: số 17/30 đường Trừ Văn Thố, Khố 2, Phường 5, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn ly hôn, bản tự khai ngày 22/02/2018 và biên bản Tòa án không hòa được nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kim N trình bày: chị và anh Nguyễn Thiện H kết hôn vào năm 2011 có đăng ký kết hôn tại UBND phường 5, thành phố M, tỉnh Tiền Giang vào ngày 12/03/2012. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2014 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, tình tình không phù hợp ly thân cho đến nay, tình cảm vợ chồng không còn chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh H.

Về con chung: có 01 con chung tên Nguyễn Thiện T sinh ngày 02/3/2012. Ly hôn chị yêu cầu được nuôi con và không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung : không có.

Đối với anh Nguyễn Thiện H từ khi thụ lý đến nay, Tòa án đã tiến hành tống đạt các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật nhưng anh H vẫn vắng mặt không rõ lý do trong tất cả các phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ, hòa giải và xét xử.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả hỏi tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là "Ly hôn"

Anh Nguyễn Thiện H đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo đúng qui định tại các Điều 174, Điều 177 Bộ luật tố tụng dân sự nhưng anh vẫn vắng mặt không rõ lý do và không gửi văn bản nêu ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của chị N.Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh H.

Về hôn nhân: chị N và anh H xác lập hôn nhân vào năm 2011 có đăng ký kết hôn tại UBND phường 5, thành phố M, Tiền Giang vào năm 2012 nên là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn đến năm 2014 phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống ly thân từ năm 2014 đến nay vẫn không đoàn tụ được. Tại phiên tòa, chị N khẳng định không thể hàn gắng không thể đoàn tụ được. Do đó, yêu cầu ly hôn của chị N là có cơ sở phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị N cho chị N được ly hôn anh H.

Về con chung: có 01 con chung tên Nguyễn Thiện T sinh ngày 02/3/2012. Hiện nay cháu T đang sống với chị N, cuộc sống và nơi học tập đã ổn định, cháu T có bản khai thể hiện ý kiến nguyện vọng muốn được tiếp tục sống cùng chị N. Đối với yêu cầu được nuôi con của chị N, anh H không có ý kiến gì. Do đó, để đảm bảo điều kiện sống và học tập của cháu Toàn nên cần tiếp tục giao cháu T cho chị N chăm sóc nuôi dưỡng và giáo dục. Chị N không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con, xét yêu cầu trên là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp pháp luật nên chấp nhận.

Về tài sản chung, và nợ chung chị N trình bày không có nên Hội đồng không đặt ra xem xét.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến :việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, nguyên đơn từ khi thụ lý đến trước khi mở phiên tòa và tại phiên tòa Hội đồng xét xử tuân thủ đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự, đối với bị đơn từ khi thụ lý đến nay Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng đúng quy định pháp luật nhưng vẫn vắng mặt không lý do là không chấp hành pháp luật.

Về nội dung vụ án: chị N và anh H xác lập hôn nhân vào năm 2011 có đăng ký kết hôn tại UBND phường 5, thành phố M, Tiền Giang vào năm 2012. Quá trình chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, ly thân từ năm 2014 đến nay vẫn không đoàn tụ được nay nên chị N yêu cầu được ly hôn với anh H là có cơ sở phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị N cho chị N được ly hôn anh H.

Về con chung: có 01 con chung tên Nguyễn Thiện T sinh ngày 02/3/2012. Hiện nay cháu T đang sống với chị Ngân, cuộc sống và nơi học tập đã ổn định, cháu T có bản khai thể hiện ý kiến muốn được tiếp tục sống cùng chị N.Chị N không có yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con. Đề nghị Hội đồng xét chấp nhận.

Về tài sản chung, và nợ chung chị N trình bày không có nên không đặt ra xem xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Kim N.

1/Về hôn nhân:cho chị Nguyễn Thị Kim N được ly hôn anh Nguyễn Thiện H.

2/ Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Thiện T sinh ngày 02/3/2012 cho chị Nguyễn Thị Kim N tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng và giáo dục.Anh H không cấp dưỡng nuôi con do chị N không yêu cầu..

Không ai được cản trở việc anh H thăm nom chăm sóc và giáo dục con chung sau khi ly hôn.

3/ Về tài sản chung: không có.

4/ Về nợ chung**:** không có

5/ Về án phí: Chị Nguyễn Thị Kim N phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0012152 ngày 27 tháng 02 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố M, tỉnh Tiền Giang nên chị đã nộp xong.

Chị N có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Anh H có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
-VKSND TPMT;
-UBND phường 5, thành phố M, Tiền Giang;
-Những người tham gia tố tụng;
-Lưu.

Nguyễn Huỳnh Trường